TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HSST
Ngày 13 tháng 01 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trò và ông Nguyễn Việt Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Phương Chinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ tên: **Hà Ngọc V**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ.

Sinh ngày 25 tháng 12 năm 2003 tại C, Phú Thọ.

Nơi cư trú: khu S, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12

Bố đẻ: Hà Tiến T, sinh năm 1974, hiện ở thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Mẹ đẻ: Đỗ Thị Thu H1, sinh năm 1981 hiện ở xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Chồng, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo không bị bắt, tạm giữ. Áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" ngày 09/5/2024. Hiện đang tại ngoại tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại: Công ty Cổ phần Đ1. Địa chỉ: Số A, ngõ H N, phường G, quận B, Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Bà Lưu Thị Ngọc M, sinh năm 1979 - Chức vụ: Giám

đốc, Công ty Cổ phần Đ1; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Hồng N, sinh năm 1986 - Chức vụ: Giám đốc chi nhánh, Chi nhánh Công ty Cổ phần Đ1 tại Phú Thọ; Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Cao Đức A, sinh năm 1992 – Chức vụ: Cán bộ pháp lý, Chi nhánh Công ty Cổ phần Đ1 tại Phú Thọ. *(vắng mặt).*

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Trần Thị Kim L1, sinh năm 1998. Địa chỉ: khu T, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. *(vắng mặt).*

+ Chị Nguyễn Thu H2, sinh năm 2001. Địa chỉ: khu A, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ. *(vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/02/2024, Công ty cổ phần Đ1, địa chỉ: số A, ngõ H N, phường G, quận B, thành phố Hà Nội, có Chi nhánh Công ty cổ phần Đ1 tại Phú Thọ - là đơn vị hoạt động theo ủy quyền của Công ty Cổ phần Đ1, đã ký kết Hợp đồng lao động chính thức số TGS09532/HĐLĐ/TGS-PHÚ THỌ với thời hạn hợp đồng là từ ngày 27/02/2024 đến ngày 26/02/2025 với Hà Ngọc V, sinh năm 2003 ở khu S, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Công ty đã sắp xếp V bán hàng tại Địa điểm kinh doanh và giới thiệu sản phẩm số 10 (còn gọi là Cửa hàng thế giới sữa Phương X) có địa chỉ tại khu I, xã P (nay là khu M, xã M) huyện C, tỉnh Phú Thọ - đây là địa điểm kinh doanh hoạt động theo ủy quyền của Chi nhánh Công ty Cổ phần Đ1 tại Phú Thọ. Kèm theo hợp đồng lao động chính thức là bản mô tả công việc của nhân viên bán hang của Công ty với nội dung thể hiện nhân viên bán hàng của Công ty với có nhiệm vụ: Bán hàng – thu tiền; Quản lý doanh thu bán hàng; Bàn giao lại tiền doanh thu bán hàng cho công ty, và thực hiện các quy định về nhân sự, hành chính, hàng hóa khác. Đối với số tiền doanh thu bán hàng của các cửa hang, trong một ngày bán hàng sẽ có các loại nguồn tiền như sau: Tiền bán hàng khách chuyển khoản vào tài khoản của nhân viên bán hàng hoặc cửa hàng trưởng, tiền bán hàng khách trả tiền mặt để tại cửa hàng. Đối với tiền trong tài khoản thì của ai sẽ do người đó quản lý, còn tiền mặt sẽ được cất giữ, quản lý tại quầy thu ngân của Cửa hàng. Để tạo điều kiện cho nhân viên tại các cửa hàng (Cửa hàng trưởng và nhân viên bán hàng) dễ dàng trong việc tổng hợp doanh số bán hàng và nộp tiền doanh thu bán hàng của cửa hàng, Công ty đã thông báo đến từng nhân viên ngay từ khi bắt đầu thực hiện công việc và thực hiện thống nhất trên toàn hệ thống công ty như sau: Các cửa hàng sẽ nộp tiền doanh thu bán hàng của cửa hàng theo doanh số chốt theo ngày (tính từ 07 giờ đến 21 giờ đối với mùa đông, tính từ 07 giờ đến 21 giờ 30 phút đối với mùa hè) rồi nộp tiền về tài khoản của Chi nhánh Công ty vào buổi sáng ngày kế tiếp. Đối với ngày thứ 6, do thứ 7 các ngân hàng không làm việc nên các cửa hàng sẽ chốt doanh thu bán hàng của cả ba ngày thứ 6, thứ 7, chủ nhật rồi nộp doanh thu về tài khoản Chi nhánh Công ty vào sáng thứ 2 của tuần kế tiếp.

Cửa hàng T14 có 02 người bán hàng gồm Hà Ngọc V – là nhân viên bán hàng và chị Trần Thị Kim L1, sinh năm 1998 ở khu T, xã T, huyện C - là cửa hàng trưởng. Do công ty chỉ yêu cầu phải có đủ hai nhân viên khi có các chương trình chi ân khách hàng cần tăng cường thêm người, còn các ngày bình thường, nhân viên tại cửa hàng chủ động chia ca để đảm bảo có ít nhất 01 người thực hiện nhiệm vụ bán hàng, thu tiền bán hàng. Một ngày có 03 ca gồm: Ca 01 từ 07 giờ đến 11 giờ; Ca 02 từ 10 giờ đến 18 giờ; Ca 03 từ 17 giờ đến 21 giờ 30 phút (đối với mùa hè) hoặc đến 21 giờ (đối với mùa đông), thời gian trùng giữa các ca là để nhân viên bán hàng giữa các ca kiểm kê, chốt tiền bán hàng và bàn giao ca. Nhân viên chủ động phân ca, có thể đổi ca cho nhau để phù hợp với cuộc sống, sinh hoạt của từng nhân viên. Nên việc phân công bán hàng tại cửa hàng do chị L1 và V tự thỏa thuận với nhau, theo đó trong các ngày 15/3/2024, 16/3/2024, 17/3/2024 và 18/3/2024 việc bán hàng và thu chi tại cửa hàng theo ca được thực hiện như sau: Ngày 15/3/2024, chị L1 và V cùng làm việc cả ngày từ 7 giờ đến 21 giờ cùng ngày. Ngày 16/3/2024, V làm ca sáng từ 7 giờ đến 10 giờ 30 phút, chị L1 làm ca từ 9 giờ 30 phút đến 18 giờ, V tiếp tục làm ca từ 17 giờ đến 21 giờ cùng ngày. Ngày 17/3/2024 và ngày 18/03/2024, V làm ca sáng từ 7 giờ đến 10 giờ 30 phút, chị L1 làm ca từ 9 giờ 30 phút đến 21 giờ.

Do ngày 15/03/2024 là thứ sáu nên sau khi hết ca làm việc ngày 17/3/2024, chị L1 cùng V kiểm tra tổng doanh thu của cửa hàng trong ba ngày 15, 16, 17/3/2024 thông qua phần mềm quản lý bán hàng được cài đặt trên máy tính tại Cửa hàng. Theo đó, tổng doanh thu bán hàng trong ba ngày 15, 16, 17/3/2024 của Cửa hàng T14 là 83.085.670 đồng, gồm: Tiền khách mua hàng từ ngày 15/3/2024 đến hết ngày 17/3/2024 chuyển vào số tài khoản 109880774074 của Hà Ngọc V mở tại ngân hàng Thương mại Cổ phần C2 (V3) là 14.269.670 đồng; T1 khách mua hàng chuyển vào số tài khoản 105877459297 của chị Trần Thị Kim L1 mở tại ngân hàng Thương mại Cổ phần C2 (V3) là 32.586.000 đồng; Tiền khách mua hàng trả tiền mặt để tại quầy thu ngân là 36.230.000 đồng.

Đến sáng ngày 18/3/2024, do V làm việc ca sáng từ 7 giờ đến 10 giờ 30 phút nên V là người đi nộp tiền doanh thu của cửa hàng trong ba ngày 15, 16, 17/3/2024 với tổng số tiền 83.085.670 đồng về tài khoản của Chi nhánh Công ty cổ phần Đ1 tại Phú Thọ. Sáng ngày 18/03/2024, chị L1 đã chuyển cho V số tiền 32.586.000 đồng mà khách mua hàng chuyển vào tài khoản của chị L1 để V tổng hợp chuyển về tài khoản công ty. Cũng trong sáng ngày 18/03/2024 V đã cầm toàn bộ số tiền mặt mà khách mua hàng trả đang để tại quầy thu ngân là 36.230.000 đồng mang ra Ngân hàng nộp vào số tài khoản của V. Tuy nhiên, toàn bộ tổng số tiền 83.085.670 đồng doanh thu bán hàng trên V đã chiếm đoạt để chi tiêu cá nhân mà không chuyển khoản về tài khoản của Chi nhánh Công ty theo quy định. Sau khi làm xong ca làm việc buổi sáng ngày 18/03/2024 V cũng báo cáo chị L1 – Cửa hàng trưởng là V xin nghỉ làm, sau đó V không tiếp tục đến làm việc cho Công ty cổ phần Đ1 nữa.

Ngày 18/03/2024 Chi nhánh Công ty cổ phần Đ1 tại Phú Thọ đã phát hiện việc Hà Ngọc V không chuyển tiền doanh thu bán hàng về cho Chi nhánh Công ty nên đã thông báo cho Công ty và tiến hành trao đổi làm việc với V. Quá trình làm việc V cam kết đến 12 giờ ngày 22/3/2024, V sẽ hoàn trả lại toàn bộ số tiền doanh thu

bán hàng đã chiếm đoạt của Công ty. Sau đó do đến hạn thanh toán V không trả lại số tiền trên nên ngày 22/03/2024, Công ty đã làm đơn tố giác gửi đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C để giải quyết theo quy định pháp luật.

Ngày 26/3/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã triệu tập Hà Ngọc V đến làm việc. Tại cơ quan điều tra, V tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, bên trong không lắp sim và đã khai nhận do ham lợi nên V đã có hành vi chiếm đoạt số tiền 83.085.670 đồng doanh thu bán hàng của Công ty như đã trình bày ở trên để sử dụng vào mục đích cá nhân. Trong đó: V sử dụng 2.417.670 đồng để trả nợ cho chị Nguyễn Thu H2, sinh năm 2001 ở khu A, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ (khi trả tiền cho chị H2, V không nói nguồn gốc số tiền mà V trả cho chị H2 ở trên là do V chiếm đoạt của Công ty mà có); Số tiền 80.668.000 đồng còn lại, V trình bày như sau: Ngày 15/3/2024, V sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng của V lên trang mạng xã hội Facebook thì thấy một trang quảng cáo ghi tên là S.vn có nội dung tuyển nhân viên chốt đơn hàng. Do muốn kiếm thêm thu nhập hàng ngày nên từ ngày 16/03/2024 V đã vào trang mạng này và làm theo hướng dẫn của trang. Nhiệm vụ của V là xác nhận đơn cho khách hàng và được hưởng phần trăm số tiền hàng hóa đã bán được, nhưng yêu cầu V phải đặt cọc tiền bằng cách chuyển tiền vào các tài khoản do trang mạng chỉ định để được xác nhận đơn cho khách hàng. Sau đó, V đã sử ứng dụng ngân hàng V3 được cài đặt trên điện thoại của mình để chuyển tiền đặt cọc chốt đơn hàng từ số tài khoản 109880774074 của V đến các tài khoản do trang mạng trên chỉ định. Đến ngày 18/03/2024, trang mạng chỉ định V phải chốt nhiều đơn hàng lớn, yêu cầu nạp khoản tiền lớn để thực hiện nhiệm vụ, do mong muốn kiếm được nhiều thu nhập nên V đã tiếp tục sử dụng tiền doanh thu của Công ty trong tài khoản để chuyển tiền vào các tài khoản chỉ định. Tuy nhiên, ngay sau khi V nạp tiền xong thì trang mạng này không có kết nối, do không vào được trang mạng này nữa nên V không lấy lại được số tiền đã nạp. Sau đó, do V nghĩ mình bị lừa đảo mà lại không biết đối tượng lừa mình là ai, ở đâu nên đã xóa hết các nội dung hình ảnh, tin nhắn của trang mạng trên điện thoại của mình vì vậy không có tài liệu chứng cứ gì để cung cấp cho cơ quan điều tra.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã tiến hành sao kê số tài khoản 109880774074 của Hà Ngọc V mở tại ngân hàng Thương mại Cổ phần C2 (V3) và cho V xác định số tài khoản, số tiền mà V đã chuyển: V chuyển vào số tài khoản 104881167538 có tên LUU VAN THAI mở tại ngân hàng V3 04 lần vào ngày 16/03/2024 với tổng số tiền là: 6.568.000 đồng; V chuyển vào số tài khoản 102881167538 có tên NGUYEN VAN LUC mở tại Ngân hàng V3 03 lần vào các ngày 16/03/2024 và 17/03/2024 với tổng số tiền là: 8.600.000 đồng; V chuyển vào số tài khoản 100879746334 có tên NGUYEN NHAT THANH mở tại Ngân hàng V3 02 lần vào ngày 16/03/2024 và 18/03/2024 với tổng số tiền là: 24.500.000 đồng; V chuyển vào số tài khoản 102880982833 có tên N2 mở tại Ngân hàng V3 02 lần vào ngày 18/03/2024 với tổng số tiền là: 41.000.000 đồng.

Kết quả xác minh chủ tài khoản các tài khoản ngân hàng trên thể hiện:

Số tài khoản 104881200590 có tên đăng ký là Lưu Văn T2, có số căn cước công dân là 079094005749 có địa chỉ tại Phường A, Quận A Thành Phố Hồ Chí Minh. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q1, thành Phố Hồ Chí Minh đã tiến hành xác minh xác định có người tên là Lưu Văn T2, sinh ngày 14/8/1994, số căn cước công dân là 079094005749 có địa chỉ 2 đường L, TDP16, KP3, Phường A, Quận A, TP . Hồ Chí Minh, nhưng Lưu Văn T2 hiện không cư ngụ tại địa phương mà chuyển cư trú tại Số A, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Tuy nhiên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Đồng Tháp xác minh xác định tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp không có ai tên là Lưu Văn T2, sinh ngày 14/8/1994, số căn cước công dân là 079094005749.

Số tài khoản 102881167538 có tên đăng ký là Nguyễn Văn L2, có số căn cước công dân là 0490960113116 có địa chỉ tại Phường B, Thành Phố B, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, anh Nguyễn Văn L2 trình bày từ trước đến nay anh không mở hay sử dụng tài khoản 102881167538 của Ngân hàng thương mại cổ phần C2 (V3), khẳng định không có mối quan hệ, quen biết hay trao đổi gì với Hà Ngọc V, không giao dịch thanh chuyển khoản gì với V.

Số tài khoản 100879746334 có tên đăng ký là Nguyễn Nhật T3, có số căn cước công dân là 094093429712 có địa chỉ tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Tuy nhiên, trên phần mềm dữ liệu dân cư thì không có số căn cước công dân như trên; tại địa phương thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng cũng không có công dân Nguyễn Nhật T3, có số căn cước công dân 094093429712 như trên.

Số tài khoản 109881044597 có tên đăng ký là Đặng Tùng L3, có số căn cước công dân là 091095001825 có địa chỉ tại Phường V, Thành Phố R, tỉnh Kiên Giang. Tuy nhiên, anh L3 trình bày từ trước đến nay không mở hay sử dụng tài khoản 109881044597 của ngân hàng thương mại cổ phần C2 (V3), khẳng định không có mối quan hệ với Hà Ngọc V, không giao dịch thanh chuyển khoản gì với V

Số tài khoản 102880982833 có tên đăng ký là Nguyễn Minh Q, có số căn cước công dân là 038090045216 có địa chỉ tại Xã D, Thành Phố P, tỉnh Kiên Giang. Tuy nhiên, anh Nguyễn Minh Q trình bày từ trước đến nay không mở hay sử dụng tài khoản 102880982833 của ngân hàng thương mại cổ phần C2 (V3), khẳng định không có mối quan hệ với Hà Ngọc V, không giao dịch thanh chuyển khoản gì với V.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Hà Ngọc V đã khai nhận hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, người liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Tại bản cáo trạng số 77/CT – VKSCK ngày 26 tháng 11 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê đã truy tố bị cáo Hà Ngọc Vinh về tội "Tham ô tài sản" theo khoản 1, 6 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay bị cáo đã thú nhận hành vi phạm tội nay không còn lời bào chữa nào khác.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C thực hành quyền công tố nhà nước tại phiên toà vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị:

* Về tội danh: Áp dụng Điều 353 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Hà Ngọc V phạm tội "Tham ô tài sản".

* Về hình phạt: Áp dụng khoản 1, 6 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Hà Ngọc V 25 đến 27 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo V.

* Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, bên trong không lắp sim thu giữ của bị cáo V.

* Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự;

Xác nhận Hà Ngọc V đã tự nguyện bồi thường cho Công ty Cổ phần Đ1 sữa toàn bộ số tiền 83.085.670 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt, Công ty đã nhận đủ số tiền trên, không yêu cầu bị cáo V phải bồi thường gì thêm và không có đề nghị gì khác.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Hà Ngọc V phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên của bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định và hợp pháp.

[2] Đối với những người tham gia tố tụng là bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có quan điểm xin giải quyết vắng mặt và trong hồ sơ vụ án đã có đủ lời khai của họ, được Cơ quan CSĐT tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định

của Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[3] Về những chứng cứ xác định bị cáo có tội: Xét lời nhận tội của bị cáo tại phiên toà hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và vật chứng đã thu được phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Vào sáng ngày 18/3/2024, tại Cửa hàng T14 ở khu M, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ - địa điểm kinh doanh hoạt động theo ủy quyền của Chi nhánh Công ty Cổ phần Đ1 tại Phú Thọ - trực thuộc Công ty cổ phần Đ1, lợi dụng việc là nhân viên bán hàng được giao nhiệm vụ thu, quản lý tiền doanh thu bán hàng và nộp số tiền 83.085.670 đồng (Tám mươi ba triệu không trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm bảy mươi đồng) là tiền doanh thu bán hàng tại cửa hàng trong ba ngày 15, 16 và ngày 17/3/2024 về tài khoản Chi nhánh Công ty Cổ phần Đ1 sữa tại Phú Thọ theo quy định của Công ty. Hà Ngọc V đã có hành vi chiếm đoạt toàn bộ số tiền 83.085.670 đồng (Tám mươi ba triệu không trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm bảy mươi đồng), là tài sản của Công ty cổ phần Đ1 mà không thực hiện chuyển tiền về tài khoản Chi nhánh Công ty theo quy định.

Về vai trò của bị cáo trong vụ án: Trong vụ án này, bị cáo Hà Ngọc V trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, không có đồng phạm.

Hành vi nêu trên của Hà Ngọc V đã phạm vào tội *"Tham ô tài sản"*. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, 6 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Điều luật quy định:

*" **Điều 353. Tội tham ô tài sản***

1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

6. Người có chức vụ, quyền hạn trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước mà tham ô tài sản, thì bị xử lý theo quy định tại Điều này."

[4] Xét tính chất vụ án là nguy hiểm cho xã hội, hành vi phạm tội của bị cáo là vi phạm quy định của pháp luật, đã xâm phạm hoạt động đúng đắn, bình thường của doanh nghiệp, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã gây mất trật tự, trị an xã hội, và gây dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân. Do vậy, đấu tranh với tội này là rất cần thiết, cần đưa ra xét xử nghiêm, áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

[5.1] Về nhân thân: Bị cáo Hà Ngọc V có nhân thân tốt.

[5.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Hà Ngọc V không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Hà Ngọc V quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo cũng tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường cho Công ty cổ phần Đ1 sữa toàn bộ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt là 83.085.670 đồng và đại diện theo ủy quyền của bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; Bị cáo có bà nội là bà Hà Thị N1 được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Từ những phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Hà Ngọc V có hành vi phạm tội là nghiêm trọng, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của doanh nghiệp, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ nên cần thiết phải xử lý nghiêm minh, áp dụng hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, cũng như đáp ứng công tác phòng ngừa tội phạm chung trong cộng đồng hiện nay. Tuy nhiên, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, xem xét yếu tố nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhân thân tốt, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo đã tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả nên tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội được giảm đi đáng kể. Vì vậy, có thể xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

[7] Về hình phạt bổ sung:

Tại khoản 5 Điều 353 Bộ luật hình sự quy định "Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào tình hình tài sản và thu nhập thực tế của bị cáo xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Hà Ngọc V là phù hợp.

[8] Về các hành vi có liên quan đến vụ án:

Đối với việc V trình bày bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản, do V không biết người chiếm đoạt tiền của mình là ai, ở đâu, ngoài lời khai của V không có tài liệu, chứng cứ gì khác chứng minh việc V bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xử lý theo quy định là phù hợp.

Đối với chị Nguyễn Thu H2, khi trả tiền nợ cho chị H2, V không nói nguồn gốc số tiền trả cho chị H2 là do V chiếm đoạt của Công ty cổ phần Đ1 mà có, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C không đề cập xử lý đối với chị H2 là phù hợp.

[9] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, bên trong không lắp sim. Bị cáo V xác nhận có sử dụng điện thoại trên vào việc thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

[10] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra Hà Ngọc V đã tự nguyện bồi thường cho Công ty Cổ phần Đ1 sữa toàn bộ số tiền 83.085.670 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt, Công ty đã nhận đủ số tiền trên, không yêu cầu bị cáo V phải bồi thường gì thêm và không có đề nghị gì khác cần xác nhận.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề xuất về hình phạt đối với các bị cáo và việc xử lý vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp nên chấp nhận.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I, Về tội danh: Áp dụng Điều 353 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Hà Ngọc V phạm tội "Tham ô tài sản".

II, Về hình phạt: Áp dụng khoản 1, 6 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Hà Ngọc V 25 (Hai mươi lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo V.

III, Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, bên trong không lắp sim thu giữ của bị cáo V.

(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 26/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C).

IV, Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự;

Xác nhận Hà Ngọc V đã tự nguyện bồi thường cho Công ty Cổ phần Đ1 sữa toàn bộ số tiền 83.085.670 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt, Công ty đã nhận đủ số tiền trên, không yêu cầu bị cáo V phải bồi thường gì thêm và không có đề nghị gì khác.

V, Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Hà Ngọc V phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo (có mặt) được quyền kháng cáo; Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện, tỉnh;
- Công an H.Cẩm khê;
- Chi cục THADS H.Cẩm Khê;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- THA- HS;
- UBND thị trấn C;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Thu Huyền